

Bản án số: 24/2018/HSST.

Ngày 26/10/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Hồng Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Văn Tiến.

Ông Lý Văn Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hứa Thị Hồng - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 26/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2018/HSST, ngày 01/10/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/QĐXXST- HS, ngày 10/10/2018, đối với bị cáo:

Hoàng Xuân L (tên gọi khác là Hoàng Xuân L) - Sinh ngày 19/5/1942, tại Bắc Kạn;

Nơi cư trú: Thôn P, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn S và bà Hoàng Thị S (đều đã chết); có vợ là Trần Thị Y và 04 con (lớn nhất sinh năm 1964, nhỏ nhất sinh năm 1987); tiền án: 01 tiền án (Bản án số 90/HSST ngày 19/6/1996 của TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 01 năm tù về tội “Giả mạo giấy chứng nhận tài liệu của cơ quan nhà nước, của tổ chức xã hội”, 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa” và 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân”, tổng hợp hình phạt cả 03 tội là 20

năm tù), đến ngày 20/12/2011 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không; bị bắt giam giữ: Không; bị cáo tại ngoại tại Thôn N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn – có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

Bà Trần Thị H - sinh năm 1966;

Trú tại: Tổ A, phường Đ, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn - Có mặt.

** Người làm chứng:*

1, Ông Đinh Văn H - Sinh năm 1964;

2, Anh Đinh Quang S - Sinh năm 1989;

3, Chị Đinh Thị G - Sinh năm 1987;

Đều trú tại: Tổ A, phường Đ, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn – Đều có mặt.

4, Ông Hoàng Văn T - Sinh năm 1959;

Trú tại: Tổ X, phường N, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn – Vắng mặt.

5, Ông Trần Đại N - Sinh năm 1972;

Trú tại: Tổ Y, phường S, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2016, Hoàng Xuân L đến thuê phòng trọ của gia đình bà Trần Thị H tại tổ A, phường Đ, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tại đây, Hoàng Xuân L biết con trai của bà H là anh Đinh Quang S đã học xong Cao đẳng chuyên nghiệp nhưng chưa xin được việc làm và anh S lấy vợ người ở huyện N, tỉnh Bắc Kạn (cùng quê với Hoàng Xuân L). L đã tự nhận mình là họ hàng bên nhà vợ của anh Đinh Quang S và giới thiệu bản thân hiện đang là cộng tác viên viết bài cho các báo như: báo Pháp Luật, báo Nhân Dân, báo Bắc Kạn. Sau đó L có dẫn anh S về nhà mình ở thôn P, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn chơi.

Đến đầu tháng 7 năm 2016, L chủ động gặp trực tiếp bà Trần Thị H nhiều lần để đặt vấn đề giúp xin việc cho anh Đinh Quang S đi làm giáo viên tiểu học tại địa

bàn thành phố Bắc Kạn, nhưng trước khi được biên chế chính thức thì anh S phải chấp nhận đi dạy hợp đồng vài tháng và gia đình bà H chỉ phải bỏ tiền ra mời vài bữa cơm để cảm ơn.

Do tin tưởng vào các thông tin mà L đưa ra nên bà H đã đồng ý để cho L xin việc cho anh S. Ngày 01/6/2016 âm lịch (*Tức ngày 04/7/2016 dương lịch*), L bảo bà H đưa cho L số tiền 10.000.000^d (*Mười triệu đồng*) để chi phí cho việc xin việc và được bà H đồng ý, địa điểm đưa tiền tại nhà bà Trần Thị H. Để có căn cứ cho việc giao tiền, bà H đề nghị L tự viết một tờ giấy nhận tiền thể hiện thời gian, số tiền và lý do nhận tiền. Sau đó L có viết một tờ giấy nhận tiền đưa cho bà H giữ. Ngày 5/7/2016, L mua 02 bộ hồ sơ xin việc và mang về đưa cho anh S, bảo anh S hoàn thiện đầy đủ các giấy tờ theo yêu cầu. Ngày 06/7/2016 sau khi hoàn thiện xong hồ sơ, anh S đã đưa hồ sơ xin việc cho Hoàng Xuân L vì L bảo với anh S đây là bộ hồ sơ để anh S đi dạy hợp đồng trước khi đi dạy chính thức.

Vào sáng ngày 07/7/2016, theo chỉ dẫn và giới thiệu của Hoàng Xuân L, anh S đã đi cùng L đến phòng làm việc của ông Hoàng Văn T tại UBND tỉnh Bắc Kạn (*Thời điểm đó ông T đang là Trưởng phòng Quản trị tài vụ - UBND tỉnh Bắc Kạn vì trước đây L có quen biết với ông Hoàng Văn T*). Khi gặp ông T, L không cầm theo hồ sơ mà chỉ giới thiệu anh S là cháu của L và không nói gì đến vấn đề xin việc của anh Đình Quang S. Sau đó hai ngày (*Tức ngày 9/7/2016*) L tiếp tục bảo anh S đưa đến UBND tỉnh Bắc Kạn để gặp ông Hoàng Văn T. Lần này L có cầm theo bộ hồ sơ do anh S đưa trước đó và khi đi đến cổng UBND tỉnh Bắc Kạn, L bảo anh S chờ ở ngoài, L một mình cầm hồ sơ đi vào phòng làm việc của ông T. Gặp ông T, L có đặt vấn đề nhờ ông T giúp xin việc cho anh Đình Quang S, nhưng do ông T không có chức năng tuyển dụng cán bộ nên ông T không nhận hồ sơ và nói với L “*Khi nào bên Sở Nội vụ tỉnh Bắc Kạn có chỉ tiêu thì sẽ thông báo cho biết*”. Sau đó L ra khỏi phòng làm việc của ông T, rồi giấu bộ hồ sơ xin việc vào bên trong của chiếc áo đang mặc và đi ra chỗ anh S đang đứng đợi. Gặp anh S, L nói dối là “*nộp hồ sơ được rồi*” và cùng anh S đi về. Đến tối cùng ngày 9/7/2016, L vào nhà bà H gặp và nói dối

bà H là “*Họ đã nhận hồ sơ và hôm nay đi đã được việc rồi, cháu S được rồi, có 7 chỉ tiêu, cháu S đứng thứ 2 qua ngày 02/9/2016 cháu sẽ được đi làm hợp đồng để chờ thi công chức*”, sau khi đưa ra thông tin trên, L tiếp tục yêu cầu bà Trần Thị H đưa tiếp số tiền 40.000.000^d (*Bốn mươi triệu đồng*) tại nhà của bà H để đi cảm ơn người đã giúp xin việc cho anh Đinh Quang S và bà H đồng ý đưa tiền. Sau đó L viết một tờ giấy nhận tiền đưa cho bà H giữ.

Đến cuối tháng 8/2016 trong một lần L nhờ anh S vào phòng trọ để sửa giúp chiếc điện thoại di động, anh S khi đó có nhìn thấy bộ hồ sơ của mình đã đưa cho L trước đó vẫn còn để trong phòng nên anh S mới bất ngờ và hỏi L “*Ông vẫn chưa nộp hồ sơ cho cháu à?*” thì L trả lời “*Các ông ấy bận đi họp chưa về chưa nộp được, để khi nào các ông ấy về ông sẽ tự nộp cho người ta, cháu không phải lo*”, thấy L nói như vậy anh S đã tin tưởng và không thắc mắc gì thêm. Khoảng mấy ngày sau đó L tiếp tục cầm bộ hồ sơ trên và bảo anh S đưa đến UBND tỉnh Bắc Kạn để gặp ông Hoàng Văn T nộp hồ sơ. Đến nơi L nói với ông T là muốn nhờ ông T giúp xin việc cho anh Đinh Quang S và đưa hồ sơ cho ông T xem, nhưng do đơn vị nơi ông T làm việc không có chức năng tuyển dụng nên ông T đã từ chối. Sau đó ông T có viết số điện thoại cá nhân của ông T vào mặt sau của bìa hồ sơ rồi đưa hồ sơ lại cho L (*mục đích ông T viết số điện thoại của bản thân là để S biết để liên lạc, khi nào bên Sở Nội vụ tỉnh Bắc Kạn có chỉ tiêu thì sẽ thông báo lại cho anh S biết để tự đi nộp hồ sơ*). Sau khi từ phòng ông T đi ra, L nói với anh S là “*Đưa ông đến Sở nội vụ để nộp hồ sơ*” và anh S đồng ý. Khi ra đến gần Sở Nội vụ, L bảo anh S về trước để L tự đi nộp hồ sơ. Sau đó L một mình mang hồ sơ xin việc của anh S vào nộp tại Sở Nội vụ tỉnh Bắc Kạn nhưng thời điểm này Sở Nội vụ không tổ chức thi tuyển viên chức nên L đã cầm bộ hồ sơ trên về phòng trọ (Sau đó L đã đốt bộ hồ sơ này). Qua ngày 02/9/2016 nhưng chưa thấy anh S được đi làm, bà Trần Thị H đã tìm gặp và hỏi Hoàng Xuân L thì được L trả lời “*Các ông ấy bận đi họp Quốc hội, nên phải chờ*”.

Ngày 11/9/2016 mặc dù không có hành động gặp gỡ và giúp đi xin việc cho anh S thêm lần nào khác, nhưng L tiếp tục gặp bà H và đưa ra thông tin là “*Được*

việc rồi. ba ngày nữa đi làm, bây giờ gia đình phải đưa tiếp cho ông L 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để đi cảm ơn người ta”. Lúc đó bà H vẫn tin tưởng L, nhưng do chưa thu xếp được tiền ngay nên đã hẹn với L là sau 04 ngày nữa mới có đủ tiền để đưa và được L đồng ý. Ngày 15/9/2016 sau khi đã có đủ số tiền 50.000.000^d (Năm mươi triệu đồng), bà H trực tiếp đưa tiền cho L tại nhà của bà H và lúc này bà H có hỏi về việc đi làm của anh S thì được L trả lời “Yên tâm trong tháng này sẽ được đi làm”.

Trong lần nhận tiền lần thứ ba (số tiền 50.000.000^d) trên, bà H có đề nghị L viết 01 giấy nhận tiền trong đó có viết gộp cả 03 lần nhận tiền. Sau khi viết xong L có đề nghị bà H đưa lại hai tờ giấy nhận tiền do L viết trước đó để L huỷ đi và được bà H chấp nhận. Trong giấy nhận tiền đề ngày 15/9/2016 L có viết lý do nhận tiền tổng số tiền 100.000.000 đồng từ bà H là: “Lý do tôi vay để cho cháu S đi làm hợp đồng và thi tuyển công chức đợt I 2017. Nếu sai không theo ý nguyện tôi phải hoàn trả lại trong tháng 3-2017”.

Sau khi đã giao tổng số tiền 100.000.000^d (Một trăm triệu đồng) và qua nhiều mốc thời gian như L đã hứa hẹn nhưng vẫn không thấy anh S được đi làm, nên bà Trần Thị H đã nhiều lần gặp trực tiếp Hoàng Xuân L để đòi lại toàn bộ số tiền trên, do chưa có khả năng trả lại nên L khất hẹn nhiều lần. Đến khoảng tháng 01/2017 bà H yêu cầu L thế chấp tài sản thì L đã đưa cho anh S 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bản gốc) số BĐ 801763 mang tên Hoàng Xuân L để làm tin, sau đó anh S đã đưa cho bà H giữ (Lúc đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 801763 cho anh S thì L đã biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này không còn giá trị pháp lý vì ngày 29/11/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã có Quyết định số 01/2016/QĐ-PT kiến nghị UBND huyện N, tỉnh Bắc Kạn thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 8017xx mang tên Hoàng Xuân L trong một vụ án dân sự khác). Quá trình nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên bà Trần Thị H và anh Đinh Quang S đều không tìm hiểu

về giá trị pháp lý của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này và cũng không viết giấy tờ giao nhận hay giấy tờ thỏa thuận gì với Hoàng Xuân L.

Đến tháng 3 năm 2017, anh Đinh Quang S vẫn không được đi làm và Hoàng Xuân L không trả lại tiền như nội dung trong giấy nhận tiền, bà Trần Thị H mới biết mình bị L lợi dụng lòng tin để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 100.000.000^d (*Một trăm triệu đồng*). Ngày 17/7/2017 bà H gửi đơn tố cáo đến Công an.

Về số tiền 100.000.000^d (*Một trăm triệu đồng*) Hoàng Xuân L thừa nhận không được đưa cho ai để chạy xin việc cho anh Đinh Quang S cả mà đã tiêu dùng cá nhân hết.

Quá trình điều tra, xác minh tại Sở Nội vụ tỉnh Bắc Kạn xác định trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 27/3/2018, Sở Nội vụ tỉnh Bắc Kạn không tổ chức tuyển dụng viên chức và không nhận được hồ sơ xin việc nào của anh Đinh Quang S cả.

Với các hành vi nêu trên, tại bản cáo trạng số 24/KSĐT ngày 28/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Hoàng Xuân L về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm e khoản 2 Điều 139/BLHS năm 1999.

Điều luật có nội dung:

1. *Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, nhưng chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.*

e, *Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng.*

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Xuân L về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b,m,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47/BLHS năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584/BLDS năm 2015. Buộc bị cáo Hoàng Xuân L phải bồi thường cho bị hại Trần Thị H tổng số tiền là 60.000.000^d (*Sáu mươi triệu đồng*). Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo Điều 468/BLDS về việc tính lãi suất.

Về vật chứng: Lưu cùng hồ sơ vụ án 01 (một) phong bì có đóng dấu đỏ giáp lai của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn, bên trong có 01 USB màu đỏ đen chứa video hình ảnh Hoàng Xuân L nhận tiền xin việc từ bà Trần Thị H vào ngày 15/9/2016.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Quá trình tranh luận, bị cáo, người bị hại không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng là xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2017, tại nhà của bà Trần Thị H thuộc tổ A, phường Đ, thành phố Bắc Kạn, Hoàng Xuân L mặc dù không có chức năng, nhiệm vụ tuyển dụng viên chức, nhưng khi biết anh Đinh Quang S là con trai của bà H có nhu cầu xin việc làm giáo viên, L đã nói dối bà H là có khả năng xin được cho anh S theo đúng nguyện vọng và chiếm đoạt của bà H tổng số tiền là 100.000.000^d (*Một trăm triệu đồng*), Hoàng Xuân L đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Hoàng Xuân L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các lời khai của người bị hại và những người làm chứng.

Tổng hợp các chứng cứ lại, đánh giá diễn biến khách quan của vụ án thấy việc truy tố, xét xử bị cáo Hoàng Xuân L về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* theo điểm e khoản 2 Điều 139/BLHS năm 1999, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Bị cáo Hoàng Xuân L có nhân thân xấu: Năm 1976 bị xử lý hành chính về hành vi *“Tàng trữ vũ khí trái phép”*; năm 1979 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bắc Thái xử phạt 8 tháng tù về tội *“Lừa đảo tài sản của công dân”*; năm 1991 bị Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội xử phạt 6 tháng tù về tội *“Cố ý gây rối tích”*; năm 1992 bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hoà Bình xử phạt 4 tháng tù về tội *“Vu khống”*; ngày 19/6/1996 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xử phạt 01 năm tù về tội *“Giả mạo giấy chứng nhận tài liệu của cơ quan nhà nước, của tổ chức xã hội”*, 15 năm tù về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa”* và 12 năm tù về tội *“Lừa đảo tài sản công dân”*, tổng hợp hình phạt chung của cả ba tội là 20 năm tù, đến năm 2011 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo không lấy đó để làm bài học tu dưỡng bản thân mà còn lao sâu vào con đường phạm tội. Bởi vậy cần phải có một mức án thật nghiêm khắc mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và cộng đồng xã hội. Bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng là *“Tái phạm”* được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48/BLHS năm 1999; được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là *“Người phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”*, *“Người*

phạm tội là người già”, “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*Người phạm tội là người có công với cách mạng*” được quy định tại điểm b,m,p khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015. Mặt khác bị cáo có anh trai ruột là ông Hoàng Văn N là *Liệt sĩ* và tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vì vậy khi lượng hình được xem xét giảm nhẹ hình phạt theo khoản 2 Điều 46/BLHS năm 1999. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên cần áp dụng Điều 47/BLHS năm 1999 để quyết định dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người già, không còn khả năng lao động, không có thu nhập ổn định, khi áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền thì không có tính khả thi, vì vậy không áp dụng đối với bị cáo.

[3] *Về trách nhiệm dân sự*: Quá trình điều tra bị cáo Hoàng Xuân L đã bồi thường cho bị hại bà Trần Thị H số tiền 40.000.000^d (*Bốn mươi triệu đồng*). Còn lại số tiền là 60.000.000^d (*Sáu mươi triệu đồng*) bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Xét thấy yêu cầu của bị hại là có cơ sở, vì vậy buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền trên.

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357/BLDS về việc tính lãi suất.

[4] *Về vật chứng*: 01 (Một) phong bì bên trong có 01 USB màu đỏ đen chứa video hình ảnh Hoàng Xuân L nhận tiền xin việc từ bà Trần Thị H vào ngày 15/9/2016. Đây là chứng cứ của vụ án nên cần được lưu trong hồ sơ vụ án (đã lưu trong hồ sơ vụ án).

[5] *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và tính hợp pháp của các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập*: Các hành vi, quyết định tố tụng và các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng

khác không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp và đúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1, *Tuyên bố:* Bị cáo Hoàng Xuân L (tức Hoàng Xuân L) phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, m, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47/BLHS năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Xuân L 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

2, *Về trách nhiệm dân sự:*

- Áp dụng Điều 42/BLHS 1999 và các Điều 584, 586, 589 /BLDS năm 2015.

Buộc bị cáo Hoàng Xuân L phải bồi thường cho bà Trần Thị H, trú tại tổ A, phường Đ, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tổng số tiền là 60.000.000^d (*Sáu mươi triệu đồng*). Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357/BLDS về việc tính lãi suất.

3, *Về vật chứng:*

- Áp dụng Điều 106/BLHS năm 2015.

- Lưu trong hồ sơ vụ án 01 (Một) phong bì bên trong có 01 USB màu đỏ đen chứa video hình ảnh Hoàng Xuân L nhận tiền xin việc từ bà Trần Thị H vào ngày 15/9/2016.

4, *Về án phí:*

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Hoàng Xuân L phải chịu 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 3.000.000^d (*Ba triệu đồng*) án phí dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người bị hại. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh;
- VKSND thành phố;
- CQTHAHS Công an TP;
- CQCSĐT Công an TP;
- Chi cục THA thành phố;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Bị cáo, bị hại;
- Hồ sơ;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Vi Hồng Lễ

